Name: ……..

Date: …. /…. /20....

Class: S3…

Grammar: …….

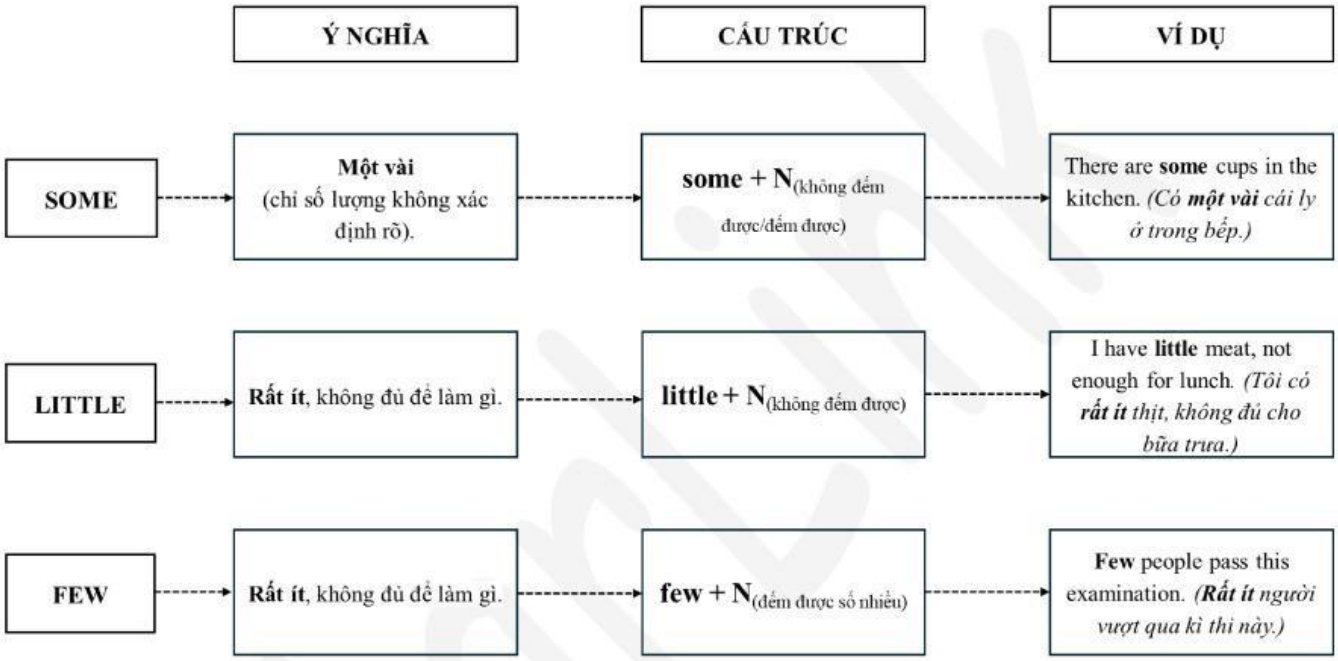
Reading: ……..……

Mini Test: ……..…....

MEALTIME

Grammar & Flyers Reading

A. GRAMMAR: Quantifiers (Lượng từ)



B. VOCABULARY

No.	Word	Meaning	No.	Word	Meaning
1	**astronaut** (n)	phi hành gia	3	**manager** (n)	quản lý
2	**mechanic** (n)	thợ sửa máy	4	**journalist** (n)	nhà báo

- ***Note:*** n = noun: danh từ
- ***Lưu ý***: Với các từ vựng mở rộng thầy cô có cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé

C. HOMEWORK

Exercise 1: Circle the correct answer

0. There are _____ cups in the kitchen.

A. some B. little C. A & B

LIVEWORKSHEETS

1. _____ milk is *not enough (không đủ)* for me to drink.

A. Little B. Few C. Some

2. There are _____ glasses on the table.

A. little B. some C. A & B

3. I just have _____ shirts at home. Let's go and buy some more.

A. little B. few C. A & B

4. We would like _____ chocolate on our ice cream, please.

A. few B. some C. A & B

5. We buy _____ sugar from the store.

A. little B. some C. A & B

Exercise 2: Look at the pictures. Complete the sentences with FEW, LITTLE, or SOME.



*0. There are just 4 cookies. There are **few** cookies.*



1. There are _____ candies in the basket.



2. There is _____ milk in the glass.



3. There are _____ dogs in the yard.



4. There are _____ cars on the street. There are just two.



5. There are _____ books on the table.

LIVEWORKSHEETS

Part 1

– 10 questions –

Look and read. Choose the correct words and write them on the lines. There is one example.

pyjamas an actor pepper flour

an astronaut gloves

a manager a waiter

butter an olive

sunglasses trainers

a mechanic a journalist sugar

	This is white or brown. You use it when you make biscuits and cakes.	flour
1	If there is a problem with your car, this person can repair it.	.....
2	When you do sport, it's a good idea to wear these on your feet.	.....
3	This is yellow food that some people like to put on their bread.	.....
4	You put these on before you go to bed at night.	.....
5	You watch this person in films or at the theatre.	.....
6	This is green or black, small, and you can put it on pizza.	.....
7	This tastes sweet, and it is bad for your teeth if you eat too much.	.....
8	It is this person's job to go into space in a spaceship.	.....
9	These keep your hands warm when it is cold in winter.	.....
10	When you eat in a restaurant, this person will bring your food.	.....

LIVEWORKSHEETS

Code: Star

MINI TEST

Exercise 1: Fill in the blank

0	***a p p l e (n)***	*trái táo*
1	**s _ _ _ _ _ (n)**	mùa xuân
2	**w_ _ _ y (adj)**	có gió
3	**t _ _ _ d e r (n)**	sấm
4	**s _ _ _ _ r (n)**	mùa hè
5	**s _ _ _ y (n)**	có nắng

Exercise 2: Circle the correct answer

0. I ***read*** */* ***reads*** *books.*

1. We **are playing / is playing** football now.
2. I **am not watching / don't watch** TV right now.
3. They **is going / are going** to the mall.
4. **Are / Is** he holding his books?
5. Lyn **is / isn't** doing her homework. She is cooking now.

StarLink

Mọi ý kiến đóng góp của phụ huynh sẽ là động lực để StarLink nâng cao chất lượng đào tạo. Mời bố mẹ quét mã ở đây để thực hiện khảo sát ạ!

LIVEWORKSHEETS